

Thứ ba, ngày 19 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Duy trì trạng thái tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/5/2020		•	
Tuần 18/5-22/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục có phiên giao dịch khá tích cực. VN-Index tăng mạnh trong phiên ATO, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên sáng giằng co quanh 850-852 điểm. Những cổ phiếu có vốn hóa lớn như VHM, VNM và HPG dẫn dắt đà tăng thị trường. Sang phiên chiều, VN-Index thu hẹp đà tăng khi lực bán tăng dần tại các mã chủ đạo. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên HSX, trong khi quay trở lại mua ròng trên HNX. Độ rộng thị trường trong trạng thái tích cực, thanh khoản tăng mạnh so cùng phiên liền trước, cho thấy dòng tiền hoạt động mạnh, củng cố đà tăng của chỉ số. Với xu thế dòng tiền nội tại tăng trở lại, VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 860-880 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 740 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/05/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_VN Diamond_1.8%

Phân tích kỹ thuật: MWG_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index + 8.91 điểm, đóng cửa 845.92. HNX-Index +0.29 điểm, đóng cửa 108.83.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.25); CTG (+1.01); HPG (+0.83); VNM (+0.75); GAS (+0.71).
- Kéo chỉ số giảm: SAB (-0.18); VPB (-0.07); HNG (-0.06); BVH (-0.04); TCH (-0.03).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 5,349.54 tỷ đồng, tăng 38.99% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 10.10 điểm, giảm nhẹ so với phiên trước. Thị trường có 231 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 135 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -95.91 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VRE (71.95 tỷ), HPG (31.38 tỷ) và VIC (24.04 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 0.66 tỷ đồng.

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 845.92

Giá trị: 5349.54 tỷ

8.91 (1.06%)

Khối ngoại (ròng): -95,91 tỷ

HNX-INDEX 108.83

Giá trị: 567.62 tỷ

0.29 (0.27%)

Khối ngoại (ròng): 0.66 tỷ

UPCOM-INDEX 53.80

Giá trị: 1338.31 tỷ

0.51 (0.96%)

Khối ngoại(ròng): 18,64 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	32.3	1.35%
Giá vàng	1,735	0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,311	-0.12%
Tỷ giá EUR/VND	25,462	0.69%
Tỷ giá JPY/VND	21,670	-0.35%
LS liên NH 1 tháng	1.7%	-8.11%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-6.82%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	26.1	VRE	-72.0
CTG	24.1	HPG	-31.4
VPB	22.1	VIC	-24.0
FUEVFN30	20.1	NKG	-14.7
KBC	17.8	HDC	-12.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_VN Diamond_1.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	14/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
VN Diamond	1.8%	3.4%	13.1%	37.0%	-9.8%	-9.8%	19.3%
Ngân Hàng	1.7%	3.6%	13.0%	30.0%	-6.5%	-6.5%	23.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.7%	2.9%	11.5%	35.2%	-10.1%	-10.1%	19.3%
Stay-at-home	1.7%	4.5%	7.5%	39.0%	0.8%	0.8%	17.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.7%	3.8%	14.8%	33.3%	-7.7%	-7.7%	21.5%
VN FinSelect	1.6%	3.5%	15.5%	33.1%	-6.9%	-6.9%	19.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.5%	3.0%	9.6%	31.2%	-9.5%	-9.5%	17.6%
Dầu khí	1.5%	3.1%	12.3%	43.9%	-22.2%	-22.2%	25.2%
Nước & Năng lượng	1.4%	2.3%	5.2%	27.8%	-9.4%	-9.4%	16.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.4%	4.5%	14.3%	41.6%	-9.5%	-9.5%	21.2%
BDS & Khu công nghiệp	1.4%	1.4%	6.0%	24.0%	-14.0%	-14.0%	17.9%
FTSE Việt Nam	1.3%	2.3%	10.6%	24.9%	-10.7%	-10.7%	16.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.3%	2.9%	12.1%	31.4%	-13.3%	-13.3%	16.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.1%	2.2%	10.2%	27.2%	-10.6%	-10.6%	15.8%
Hàng tiêu dùng	1.0%	2.9%	9.2%	46.2%	-5.7%	-5.7%	19.4%
Corona Avengers	1.0%	2.0%	9.4%	45.9%	-3.9%	-3.9%	22.1%
Vật liệu Xây dựng	0.9%	3.1%	7.8%	39.4%	-5.6%	-5.6%	20.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.7%	1.6%	9.0%	36.3%	-7.6%	-7.6%	22.8%
Lãi suất giảm	0.5%	2.6%	9.1%	40.6%	-7.2%	-7.2%	19.2%
Chiến tranh thương mại	0.4%	0.9%	6.1%	38.8%	-12.1%	-12.1%	18.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.3%	2.1%	-2.1%	-2.1%	-2.1%	-2.1%	25.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	0.7%	5.4%	29.4%	0.6%	0.6%	15.7%
Xây dựng	-0.6%	-0.3%	7.4%	33.4%	-8.4%	-8.4%	19.3%
Ngành Dược	-0.8%	-0.8%	0.9%	16.6%	-6.7%	-6.7%	18.3%
Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	1.8%	3.6%	9.4%	31.2%	-10.4%	-10.4%	20.9%
M12	1.7%	3.1%	12.2%	30.4%	-6.9%	-6.9%	19.9%
M22	1.6%	3.7%	12.9%	36.1%	-4.4%	-4.4%	18.9%
L11	1.6%	2.1%	7.9%	29.1%	-10.5%	-10.5%	17.3%
S11	1.5%	2.0%	9.4%	26.1%	-3.6%	-3.6%	18.8%
S21	1.3%	2.9%	9.0%	33.9%	-9.4%	-9.4%	19.9%
L32	1.2%	1.8%	10.2%	44.4%	-12.5%	-12.5%	20.9%
L22	1.0%	2.4%	8.8%	38.3%	-9.3%	-9.3%	19.6%
S32	0.8%	3.1%	11.7%	45.2%	-14.8%	-14.8%	22.2%
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.5%	3.2%	7.3%	35.4%	-3.5%	-3.5%	18.9%
MID1	1.5%	2.4%	9.8%	36.9%	-1.4%	-1.4%	17.4%
LOW1	1.2%	1.9%	9.1%	25.0%	-7.8%	-7.8%	17.1%
INDEX							
VNINDEX	1.1%	2.3%	10.0%	27.7%	-12.0%	-12.0%	16.8%
VN30INDEX	1.5%	3.3%	11.7%	30.9%	-9.1%	-9.1%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	14	10	14	10	10	14
Mục tiêu	9	7	2	6	3	4	5
Rủi ro	3	3	0	2	1	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

MWG_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: tăng dần và chưa đi vào vùng quá mua

Nhận định: Xu hướng tăng của MWG tiếp tục củng cố khi cổ phiếu đã phá được ngưỡng kháng cự ngắn hạn 85. Thanh khoản cổ phiếu duy trì tại mức tích cực, trên trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu tăng giá tích cực. Đường EMA12 nằm trên đường EMA26 tiếp tục củng cố tín hiệu tăng giá. MWG nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 95 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 94, chốt lãi tại vùng giá 102 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 75.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 19/5

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 19/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	32.71	2.80%	26.90%	30.70%	-45.92%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	35.25	1.26%	17.60%	11.60%	-45.34%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	103.90	1.29%	13.10%	35.90%	-45.36%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1739.99	0.43%	2.20%	3.40%	33.27%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.17	1.21%	11.10%	13.10%	17.65%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	846.25	0.15%	-0.70%	0.50%	-5.92%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	499.25	0.45%	-3.00%	-6.50%	-3.06%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.64	-0.12%	14.00%	36.80%	0.30%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	143.39	1.59%	1.10%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.80	4.05%	6.70%	4.50%	-18.31%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	107.75	0.84%	-2.70%	-10.00%	4.76%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5317.50	2.62%	1.20%	4.00%	-11.80%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	501.20	1.46%	2.70%	4.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1496.00	2.33%	-0.10%	-0.80%	-16.77%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	97.72	1.27%	9.50%	13.90%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.60	0.55%	1.10%	-4.70%	-34.41%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 tăng 2.31 USD tương đương 7.1% lên 34.81 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 6 tăng 2.39 USD tương đương 8.1% lên 31.82 USD/thùng.
- Giá dầu được hỗ trợ khi OPEC+ đồng ý cắt giảm nguồn cung kỷ lục 9.7 triệu thùng/ngày từ ngày 1/5/2020, trong khi Saudi Arabia – nước xuất khẩu hàng đầu thế giới – tuần trước tuyên bố sẽ cắt giảm thêm 1 triệu thùng/ngày trong tháng 6/2020. Đồng thời, Mỹ mở cửa trở lại hoạt động kinh doanh và đời sống xã hội từ việc nới lỏng các hạn chế bởi virus corona, thị trường chứng khoán tăng do kết quả thử nghiệm sớm vắc xin.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.7% xuống 1,728.72 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2020 giảm 1.3% xuống 1,734.4 USD/ounce.
- Thị trường chứng khoán phố Wall và giá dầu tăng lên mức cao nhất 2 tháng, sau khi nhà sản xuất thuốc Moderna MRNA.O cho biết vắc xin thử nghiệm trong giai đoạn đầu cho thấy kết quả đầy hứa hẹn, với các nhà đầu tư tin tưởng vào các biện pháp kích thích nhiều hơn để giải cứu nền kinh tế Mỹ khỏi sự suy thoái.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 5.4% lên 691.5 CNY (97.22 USD)/tấn. Trong đầu phiên giao dịch giá quặng sắt tăng lên 705 CNY/tấn, cao nhất kể từ năm 2013, do tồn trữ quặng sắt tại các cảng của Trung Quốc ước đạt 111.95 triệu tấn tính đến ngày 15/5/2020, thấp nhất kể từ tháng 12/2016, công ty tư vấn SteelHome cho biết.
- Thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 2.2%, giá thép cuộn cán nóng tăng 2.5%.

Giá cao su

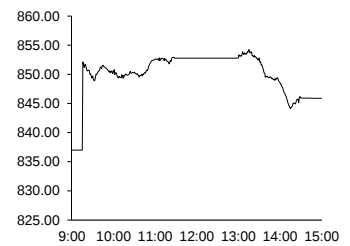
- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn TOCOM giảm 1.6 JPY xuống 151.4 JPY (1.4 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 10 CNY lên 10,245 CNY (1,440 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo giảm do lo ngại về gia tăng căng thẳng giữa nước mua hàng đầu Trung Quốc và Mỹ, làm lu mờ kỳ vọng nhu cầu tăng trong bối cảnh nhiều nước quyết định nới lỏng các hạn chế bởi virus corona.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE tăng 0.9 US cent tương đương 0.8% lên 1.0775 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 4 USD tương đương 0.3% lên 1,182 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7 trên sàn ICE tăng 0.42 US cent tương đương 4% lên 10.8 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London tăng 4.4 USD tương đương 1.2% lên 363.6 USD/tấn. Giá đường tăng do giá dầu tăng, nguồn cung đường trắng thắt chặt kéo dài và gia tăng kỳ vọng hoạt động kinh tế nới lại bởi việc nới lỏng các hạn chế do virus corona.

Hình 1

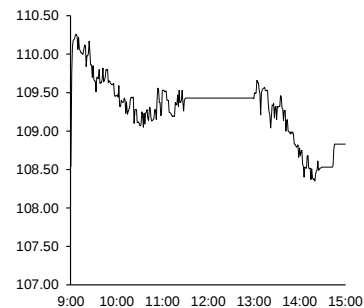
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

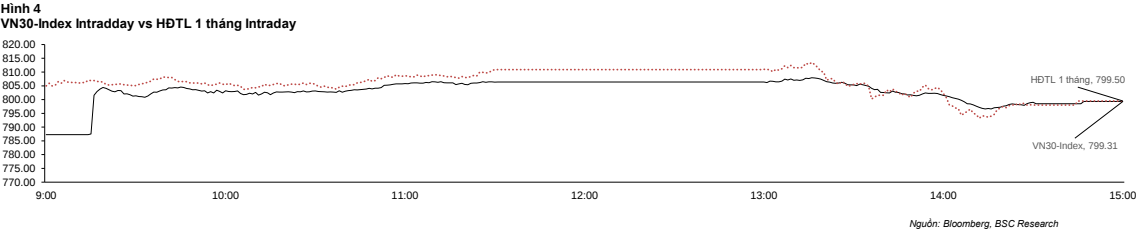
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	3.52%
Truyền thông	2.90%
Dầu khí	2.88%
Bán lẻ	1.73%
Công nghệ Thông tin	1.52%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.31%
Ngân hàng	1.27%
Dịch vụ tài chính	1.21%
Bất động sản	0.77%
Du lịch và Giải trí	0.74%
Thực phẩm và đồ uống	0.73%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.70%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.66%
Xây dựng và Vật liệu	0.32%
Hóa chất	-0.05%
Bảo hiểm	-0.10%
Y tế	-0.43%
Ô tô và phụ tùng	-0.47%
Viễn thông	-10.00%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	799.50	1.46%	0.19	0.9%	158,811	5/21/2020	4
VN30F2006	787.00	1.42%	-12.31	223.9%	11,367	6/18/2020	32
VN30F2009	771.30	1.85%	-28.01	2.3%	218	9/17/2020	123
VN30F2012	771.00	1.59%	-28.31	229.9%	254	12/17/2020	214

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tiếp tục tăng mạnh 12.04 điểm lên mức 799.31 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, TCB, VNM, CTG, và EIB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng mạnh đầu phiên, trước khi giằng co quanh 805 điểm. Sang phiên chiều, VN30 quay đầu giảm xuống dưới ngưỡng 800 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể vận động tăng lên gần 830 điểm trong những phiên tiếp theo. Tuy vậy, cần cân nhắc những biến động mạnh khi gần tới thời điểm đáo hạn của VN30F2005 vào 21/05.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 740 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CTCB2001	HSC	6/22/2020	34	2:1	618,610	16.1%	5.0 triệu	34.85%	1,700	300	42.86%	173.30	1.73
CHPG2004	SSI	6/15/2020	27	1:1	256,420	-55.7%	5.0 triệu	34.50%	2,800	3,130	40.36%	2,869.10	1.09
CHPG2001	HSC	6/30/2020	42	2:1	107,870	-22.0%	5.0 triệu	34.50%	1,800	1,690	30.00%	1,322.30	1.28
CPNJ2003	VCSC	10/26/2020	160	5:1	20	-92.0%	1.5 triệu	35.10%	2,000	3,000	27.66%	561.00	5.35
CTCB1902	VND	6/5/2020	17	1:1	207,370	44.3%	2.0 triệu	34.85%	5,300	800	23.08%	822.00	0.97
CSTB2001	KIS	6/19/2020	31	1:1	292,750	-21.1%	5.0 triệu	37.50%	1,500	340	21.43%	108.80	3.13
CFPT1908	MBS	6/17/2020	29	3:1	96,880	-6.4%	2.4 triệu	32.42%	3,150	1,590	19.55%	1,512.00	1.05
CMWG2006	VCSC	10/26/2020	160	5:1	14,930	49666.7%	1.5 triệu	38.65%	2,000	3,460	17.29%	566.30	6.11
CHPG2002	KIS	12/16/2020	211	2:1	124,030	-75.8%	3.0 triệu	34.50%	1,700	1,610	14.18%	808.30	1.99
CVNM2001	HSC	6/22/2020	34	10:1	606,730	735.0%	5.0 triệu	30.05%	1,700	410	13.89%	194.20	2.11
CSTB2002	KIS	12/16/2020	211	1:1	232,710	338.7%	3.0 triệu	37.50%	1,700	1,320	11.86%	558.80	2.36
CFPT2005	VND	7/1/2020	43	1:1	33,010	20.9%	1.0 triệu	32.42%	2,900	9,430	11.47%	9,119.00	1.03
CMBB2002	SSI	8/10/2020	83	1:1	68,430	-4.3%	3.0 triệu	32.83%	1,300	1,390	9.45%	906.90	1.53
CMBB2003	SSI	11/9/2020	174	1:1	52,270	97.2%	3.0 triệu	32.83%	2,000	2,310	8.96%	1,482.40	1.56
CVHM2001	KIS	12/16/2020	211	5:1	120,790	-3.7%	2.0 triệu	33.77%	3,100	1,280	7.56%	428.50	2.99
CVRE2001	KIS	9/21/2020	125	4:1	690,690	94.7%	8.0 triệu	39.54%	1,500	150	7.14%	38.60	3.89
CFPT2004	SSI	8/10/2020	83	1:1	28,100	-38.0%	2.0 triệu	32.42%	5,100	9,880	5.78%	8,655.60	1.14
CVRE2003	KIS	12/16/2020	211	2:1	250,120	33.8%	3.0 triệu	39.54%	3,000	780	5.41%	199.70	3.91
CFPT2003	SSI	11/9/2020	174	1:1	35,410	-73.9%	2.0 triệu	32.42%	7,300	12,460	5.15%	10,380.10	1.20
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	64	1:1	139,490	-26.6%	1.5 triệu	42.00%	2,200	3,210	3.55%	3,697.90	0.87
CMSN2001	KIS	12/16/2020	211	5:1	116,360	257.4%	2.0 triệu	33.29%	2,300	2,120	3.41%	1,180.80	1.80
CVPB2001	HSC	6/22/2020	34	2:1	692,160	53.1%	5.0 triệu	42.00%	1,500	2,530	-3.44%	2,565.80	0.99
Tổng:					4,785,150		70.90 triệu	35.34%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/05/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.

- Về giá, CPNJ2003 và CMWG2006 tăng mạnh lần lượt là 27.66% và 17.29%. Giá trị giao dịch tăng 3.64%. CVPB2001 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 24.09% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB, MSN, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	26.15	4.18	2.28
TCB	21.30	3.15	1.94
VNM	112.60	1.35	1.11
CTG	22.30	4.45	0.93
FPT	49.25	1.86	0.74

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	25.0	-0.40	-0.22
SAB	172.0	-0.58	-0.09
CTD	68.0	-0.73	-0.02
BVH	48.6	-0.41	-0.02
ROS	3.4	-0.59	-0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2001	26,400	23,000	21,300
CHPG2004	26,300	23,500	26,150
CHPG2001	27,600	24,000	26,150
CPNJ2003	85,000	75,000	64,300
CTCB1902	26,300	21,000	21,300
CSTB2001	12,499	10,999	9,900
CFPT1908	63,450	54,000	49,250
CMWG2006	120,000	110,000	87,200
CHPG2002	33,399	29,999	26,150
CVNM2001	137,000	120,000	112,600
CSTB2002	13,588	11,888	9,900
CFPT2005	51,900	49,000	49,250
CMBB2002	19,300	18,000	17,400
CMBB2003	20,000	18,000	17,400
CVHM2001	110,067	94,567	73,200
CVRE2001	42,789	36,789	24,900
CFPT2004	55,100	50,000	49,250
CVRE2003	43,999	37,999	24,900
CFPT2003	57,300	50,000	49,250
CVPB2003	24,200	22,000	25,000
CMSN2001	77,289	65,789	63,000
CVPB2001	23,000	20,000	25,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	87.2	2.0%	1.3	1,717	6.3	8,808	9.9	3.0	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	64.3	1.3%	1.3	630	2.9	5,248	12.3	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.6	-0.4%	1.3	1,569	2.1	1,168	41.6	1.9	28.5%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	31.4	1.9%	0.5	305	0.0	2,092	15.0	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.5	0.0%	0.8	14,192	3.1	2,095	46.1	4.0	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	24.9	1.4%	1.1	2,460	9.1	1,226	20.3	2.1	31.1%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.0	0.4%	0.8	2,234	2.2	3,584	14.8	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.5	0.3%	0.8	424	1.6	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.0	3.8%	1.4	248	2.4	2,289	4.8	0.8	39.5%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.3	1.1%	1.3	374	4.3	1,415	10.1	0.8	50.7%	7.8%
VCI	Chứng khoán	24.5	2.1%	1.0	175	0.7	4,240	5.8	1.0	30.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.7	0.0%	1.8	248	2.4	1,480	12.6	1.3	54.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	49.3	1.9%	0.8	1,679	6.2	4,804	10.3	2.3	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	51.0	1.2%	0.4	552	0.0	4,812	10.6	2.7	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	74.8	1.8%	1.4	6,224	3.7	5,820	12.9	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.8	3.2%	1.5	2,423	2.8	869	53.8	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	13.1	0.8%	1.5	272	3.6	1,777	7.4	0.5	12.7%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.5	0.0%	0.8	876	1.6	898	7.2	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.0	0.4%	0.5	523	0.1	5,046	18.2	3.4	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.7	-0.4%	0.5	232	1.2	1,006	13.6	0.7	13.9%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.2	0.4%	0.5	189	0.6	415	19.8	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	79.0	0.6%	1.2	12,739	3.9	4,848	16.3	3.4	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.1	0.5%	1.5	6,837	2.9	2,140	18.3	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.3	4.4%	1.2	3,610	10.6	2,510	8.9	1.1	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	25.0	-0.4%	1.2	2,650	8.1	3,750	6.7	1.4	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.4	2.1%	1.1	1,824	6.9	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	22.2	1.8%	1.0	1,605	5.4	3,780	5.9	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	46.8	0.1%	0.9	167	0.4	5,303	8.8	1.5	79.3%	17.0%
NTP	Nhựa	35.3	0.9%	0.4	151	0.2	4,208	8.4	1.4	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.8	-0.7%	0.5	637	0.0	356	41.6	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	26.2	4.2%	1.1	3,139	21.7	2,764	9.5	1.4	36.8%	17.4%
HSG	Thép	9.7	2.5%	1.6	187	4.3	1,491	6.5	0.7	18.0%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	112.6	1.4%	0.7	8,525	7.1	5,453	20.6	6.5	58.6%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	172.0	-0.6%	0.8	4,796	1.4	6,719	25.6	6.4	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.0	0.8%	1.0	3,202	5.3	3,961	15.9	1.7	39.4%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	2.0%	0.8	383	1.4	141	106.7	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	60.5	4.7%	0.8	5,726	1.9	3,450	17.5	3.6	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	114.9	0.8%	1.1	2,617	2.8	7,110	16.2	4.0	18.7%	26.3%
HVN	Vận tải	27.1	0.7%	1.7	1,668	1.1	1,654	16.4	2.1	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	1.3%	0.9	252	0.4	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.9	0.5%	1.1	133	1.1	2,117	5.1	0.7	25.4%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.5	-0.2%	1.0	442	1.2	9,201	7.1	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.4	0.0%	0.7	339	0.1	1,453	12.0	1.2	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.7	0.7%	1.0	227	0.2	1,938	7.1	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	68.0	-0.7%	1.1	226	1.0	8,032	8.5	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	0.8%	0.4	484	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	20.5	-1.2%	0.4	212	0.8	1,775	11.5	0.9	45.4%	8.5%
POW	Điện	10.2	1.0%	0.6	1,039	2.5	1,028	9.9	0.9	11.4%	9.4%
NT2	Điện	20.4	0.5%	0.5	255	0.3	2,543	8.0	1.4	17.7%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	73.20	1.81	1.25	3.69MLN
CTG	22.30	4.45	1.01	11.02MLN
HPG	26.15	4.18	0.83	18.84MLN
VNM	112.60	1.35	0.75	1.43MLN
GAS	74.80	1.77	0.71	1.14MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-0.18	181100.00	1.11MLN
VPB	0.00	-0.07	7.26MLN	607060.00
HNG	0.00	-0.06	657200.00	373600.00
BVH	0.00	-0.04	999630.00	192700.00
TCH	0.00	-0.03	2.35MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	7.99	6.96	0.00	10.00
TEG	4.15	6.96	0.00	79240.00
HVX	4.00	6.95	0.00	2600.00
VAF	6.00	6.95	0.00	10.00
SVI	71.00	6.93	0.02	1100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTL	14.75	-6.94	-0.02	120.00
TMT	5.16	-6.86	0.00	11480.00
DIC	1.80	-6.74	0.00	793320.00
PXI	2.66	-6.67	0.00	780.00
CIG	1.71	-6.56	0.00	1120.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.20	1.83	0.65	5.56MLN
DNP	17.40	8.75	0.07	10200.00
VIF	18.10	9.70	0.06	100.00
DL1	11.30	9.71	0.05	2200.00
NVB	7.90	1.28	0.04	3.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	14.50	-2.68	-0.54	4.17MLN
SHS	8.80	-2.22	-0.03	2.56MLN
PGS	16.70	-4.02	-0.02	9000.00
OCH	7.40	-2.63	-0.02	8000.00
KLF	1.90	-5.00	-0.02	1.50MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

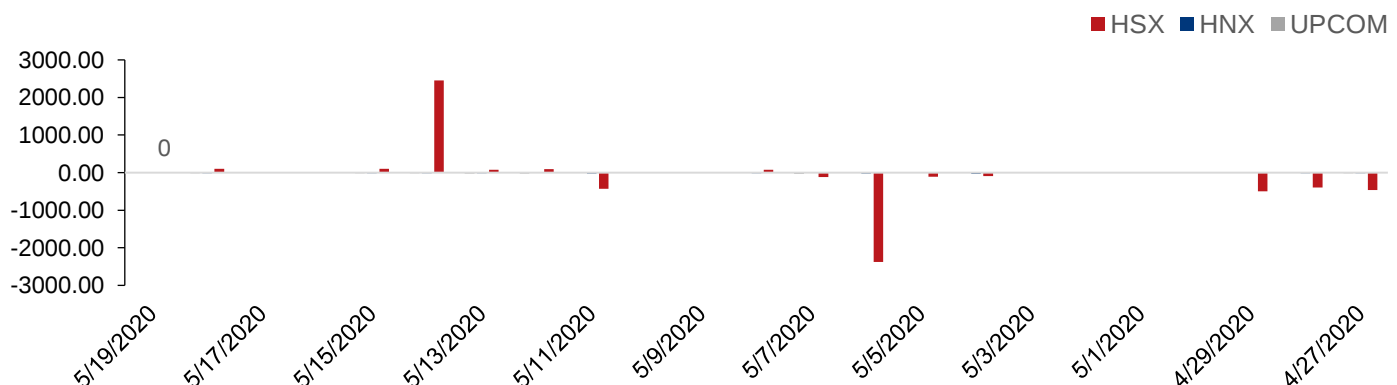
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	16.7	0.00	44000.00
HKB	0.80	14.3	0.00	330500.00
SPI	1.00	11.1	0.00	75400.00
CAN	22.00	10.0	0.01	100.00
IVS	7.70	10.0	0.02	2600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	-16.67	-0.01	88700.00
API	9.00	-10.00	-0.01	100.00
PIA	23.40	-10.00	0.00	100.00
SDG	32.40	-10.00	-0.01	200.00
HCT	10.90	-9.92	0.00	200.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.8	5,311	4.1	1.0	Click
2	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	27.8	4,465	6.2	1.2	Click
3	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	79.0	4,848	16.3	3.4	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.2	3,780	5.9	1.3	Click
5	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	33.0	6,553	5.0	1.2	Click
6	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	44.6	3,887	11.5	2.2	Click
7	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	49.3	4,804	10.3	2.3	Click
8	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.6	1,583	12.3	1.0	Click
9	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.2	1,880	7.0	0.7	Click
10	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	172.0	6,719	25.6	6.4	Click
11	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	22.4	1,782	12.6	1.6	Click
12	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	112.6	5,453	20.6	6.5	Click
13	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.3	1,781	6.9	0.7	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	87.2	8,808	9.9	3.0	Click
15	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	33.0	6,553	5.0	1.2	Click
16	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	49.3	4,804	10.3	2.3	Click
17	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	19.0	2,282	8.3	1.4	Click
18	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	92.0	5,046	18.2	3.4	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	3/1/2020	86.5	99.7	64.3	5,248	12.3	2.9	Click
20	PVT	Vận tải	Theo dõi	3/2/2002	16.8	20.2	10.9	2,117	5.1	0.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su).
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biên LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020: Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BDS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy).
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận góp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công
Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn